

Bản án số:268 /2018/HS-ST

Ngày 17 /7/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thúy Kiên;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Ninh;

Ông Phạm Khắc Mã;

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền,

Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên;

Ngày 17/7/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số: 257/2018/TLST-HS ngày 15/6/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 265/2018/ QĐXXST-HS ngày 03/7/2018 đối bị cáo:

Nguyễn Văn D, sinh ngày 27 tháng 12 năm 1992; Tại Thái Nguyên;

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Tổ 6, phường Quang Trung, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá (học vấn: Lớp 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1968 và bà Phan Thị T, sinh năm 1973; Chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không có;

Nhân Thân: Tại Bản án số 394/2012/HSST ngày 28/9/2012 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, xử phạt 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 37 tháng 14 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội "Cố ý gây thương tích". Đã chấp hành xong hình phạt ngày 18/12/2015;

Bị bắt tạm giam từ ngày 05/4/2018. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên (có mặt);

- Bị hại: Anh Ngô Mạnh T, sinh năm 1986;

Nơi ĐKKHKT: Xóm Hành, xã An Khánh, huyện Đại Từ, Thái Nguyên;

Nơi ở: Xóm Suối Huyền, xã Cù Vân, Đại Từ, Thái Nguyên (vắng mặt);
-Người có quyền lợi & nghĩa vụ liên quan: Anh Vũ Văn T, sinh năm 1984;
Nơi ở: Tổ 9, phường Quang Trung, thành phố Thái Nguyên (vắng mặt);
-Người làm chứng: 1. Chị Điều Thị H, sinh năm 1988;
Nơi ở: Tổ 4, phường Tân Lập, thành phố Thái Nguyên (vắng mặt);
2. Anh Nguyễn Trường G, sinh năm 1978;
Nơi ở: Tổ 4, phường Tân Lập, thành phố Thái Nguyên (vắng mặt);
3. Ông Đỗ Văn C, sinh năm 1964;
Nơi ở: Xóm 7, xã Cù Vân, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ ngày 02/04/2018, Nguyễn Văn D cùng anh Ngô Mạnh T; anh Nguyễn Trường G, chị Điều Thị H và một người có tên S (là hàng xóm của anh G) cùng ngồi ăn uống trên chiếc giường tại lán (nhà tạm cho thợ xây dựng ở) của anh Ngô Mạnh T đang xây dựng công trình cho nhà anh Gi tại tổ 4, phường Tân Lập, thành phố Thái Nguyên. Anh T ngồi phía góc giường, quay lưng ra phía cửa ra vào của lán, D ngồi phía góc trong, đối diện với anh T. Trước đó, anh T có dựng 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, BKS 50C -1932 ở ngoài cửa lán (sát với đường dân sinh) và để tại góc giường phía sau lưng anh T đang ngồi 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5S, màu vàng (đang cắm sạc pin). Khoảng 19 giờ cùng ngày, khi mọi người vẫn đang ngồi ăn cơm cháu T là con gái anh G đến lán hỏi mượn điện thoại của anh T để chơi, anh T đọc mật khẩu điện thoại cho cháu T (là “2010”) và mở điện thoại cho cháu T, D đã nghe được và biết mật khẩu điện thoại của anh T. Đến khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, chị H ăn cơm xong và đi ra ngoài lán về phía công trình nhà anh G để nghe điện thoại, cháu T trả điện thoại anh T ở vị trí cắm sạc lúc đầu và đi về nhà, anh T ngồi hút thuốc lòn tại cửa lán, D ăn cơm xong và đi ra phía sau lưng anh T, D nhìn thấy chiếc điện thoại và chiếc xe mô tô nói trên của anh T, lợi dụng mọi người đang mải uống rượu không ai để ý nên D đã nảy sinh ý định trộm cắp các tài sản trên của anh T đem bán lấy tiền mua ma túy sử dụng. D tiến gần đến chỗ để điện thoại, dùng tay trái cầm điện thoại, tay phải cầm chùm chìa khóa xe mô tô của anh T để gần điện thoại và đi ra khỏi lán đến vị trí chiếc xe mô tô của anh T. D ngồi lên xe mô tô, cho điện thoại vào túi quần rồi mở

khóa xe và nổ máy điều khiển xe đi. Khi đi qua công trình nhà anh G, chị H có hỏi D: “*Đi đâu đấy*”, D trả lời chị H “*Đi mua nước ngọt về uống*”. D đã điều khiển xe mô tô của anh T đến khu vực cổng sau Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên và bán chiếc điện thoại cho anh Vũ Văn T được 1.000.000 đ (một triệu đồng), D dùng số tiền này mua ma túy và sử dụng hết. Sau đó (sáng ngày 03/4/2018) D điều khiển xe mô tô nói trên về nhà ông Nguyễn Văn S, ở xóm 7, xã Cù Vân, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên (ông nội của D) đi gần đến nhà ông S thì xe bị hết xăng nên D dắt bộ chiếc xe trên, lúc này D gặp ông Đỗ Văn C, là người quen của anh Ngô Mạnh T, ông C hỏi D: “*Sao mày lấy xe của thằng Tuấn*”, D hoảng sợ nên đã vứt xe mô tô của anh T ở lề đường và bỏ trốn.

Sau khi bị mất trộm các tài sản trên anh Ngô Mạnh T đã làm đơn trình báo Công an phường Tân Lập, thành phố Thái Nguyên. Đến ngày 03/4/2018 Công an phường Tân Lập đã triệu tập D về trụ sở để làm việc. Ngày 04/4/2018 anh Ngô Mạnh T đã chuộc lại chiếc điện thoại trên từ anh Vũ Văn T và giao nộp cho Cơ quan điều tra.

Tại bản kết luận số 101/HĐĐGTS ngày 7/4/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Thái Nguyên kết luận: Giá trị còn lại của chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream C100, BKS 50C-1932, số khung 07579, số máy 7579 đã qua sử dụng là: 8.000.000 đ (tám triệu đồng); Chiếc điện thoại Iphone 5S màu vàng, số IMEI 358 806 059 149 391, số seri F18 MFL1PF FDR đã qua sử dụng là: 2.500.000 đ (hai triệu năm trăm ngàn đồng). Tổng giá trị tài sản trên là 10.500.000 đ (mười triệu năm trăm ngàn đồng)

Tại Cơ quan điều tra Nguyễn Văn D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nêu trên.

Vật chứng của vụ án là: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream C100, BKS 50C - 1932, số khung 07579, số máy 7579 và 01 điện thoại di động Iphone 5S màu vàng, số IMEI 358806059149391, số seri F18MFL1PFFDR đều đã qua sử dụng. Các tài sản này đã được thu hồi và trả lại cho chủ sở hữu là anh Ngô Mạnh T. Nay anh T yêu cầu D hoàn trả số tiền 1.000.000 đồng anh đã trả anh Vũ Văn T để chuộc lại chiếc điện thoại trên.

Tại bản cáo trạng số 263/ CT-VKSTPTN ngày 15 tháng 6 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thái Nguyên đã truy tố Nguyễn Văn D về tội “***Trộm cắp tài sản***” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Kết thúc thẩm vấn, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thái Nguyên luận tội đã giữ nguyên quyết định truy tố. Sau khi phân tích đánh giá các chứng cứ đã đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn D phạm tội “***Trộm cắp tài sản***”. Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51 của

Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo từ 15 tháng tù đến 18 tháng tù giam; Trách nhiệm dân sự và án phí giải quyết theo quy định của pháp luật;

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn D thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố, nhất trí với Bản luận tội của Kiểm sát viên. Lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, chuẩn bị xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, Người bị hại, Người có quyền lợi & nghĩa vụ liên quan trong vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về các hành vi, quyết định tố tụng nêu trên. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

Tại phiên tòa Người bị hại, Người có quyền & lợi nghĩa vụ liên quan và Người làm chứng trong vụ án đều vắng mặt, tuy nhiên các tài liệu có trong hồ sơ đã phản ánh đầy đủ nội dung vụ án, không có lời khai nào mâu thuẫn. Căn cứ Điều 292, 293 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn D thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, bị cáo khai nhận:

Vào khoảng 19 giờ 30 ngày 02/4/2018, tại lán (nhà tạm cho thợ xây dựng ở) của anh Ngô Mạnh T đang xây dựng công trình cho nhà anh G tại tổ 4, phường Tân Lập, thành phố Thái Nguyên, lợi dụng sự sơ hở anh T trong việc quản lý tài sản, bị cáo đã có hành vi lén lút lấy của anh T các tài sản gồm: 01 chiếc điện thoại Iphone 5S, màu vàng, số IMEI 358 806 059 149 391, số seri F18 MFL 1PF FDR đã qua sử dụng, giá trị còn lại là 2.500.000đ (hai triệu năm trăm ngàn đồng); 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream C100, BKS 50C-1932, số khung 07579, số máy 7579 đã qua sử dụng, giá trị còn lại là: 8.000.000đ (tám triệu đồng). Tổng giá trị tài sản là: 10.500.000 đ (mười triệu năm trăm ngàn đồng). D bán chiếc điện thoại cho anh Vũ Văn T được 1.000.000 đồng và sử dụng số tiền này mua ma túy để sử dụng.

Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời nhận tội tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của Người bị hại, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên

quan, Người làm chứng, Kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Thái Nguyên và Biên bản thu giữ vật chứng.

Hành vi phạm tội của bị cáo nêu trên là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh xấu đến tình hình an ninh, chính trị, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Bản thân bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận bị cáo Nguyễn Văn D phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thái Nguyên truy tố bị cáo về tội danh nêu trên là có căn cứ.

Nội dung của Điều luật như sau: “*1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm*”.

Về tình tiết định khung hình phạt: Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn D không vi phạm các tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự, do đó bị cáo bị xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân và hình phạt đối với bị cáo: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; Bị cáo có nhân thân xấu, đã có một lần bị kết án về tội “*Cố ý gây thương tích*”, tuy tiền án đã được xóa nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện bản thân, chỉ vì mục đích muốn có tiền tiêu sài cá nhân mà bị cáo coi thường pháp luật tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội; Tuy nhiên, thiệt hại bị cáo gây ra không lớn, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được quy định tại điểm h, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào tính chất mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần cách ly bị cáo Nguyễn Văn D ra khỏi đời sống xã hội trong một thời gian nhất định đủ để răn đe, giáo dục bị cáo trở thành một người công dân sống có ích cho xã hội và cũng để phòng ngừa chung;

Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự nêu trên thì bị cáo có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, kinh tế khó khăn. Do đó, nên miễn hình phạt tiền cho bị cáo.

[3] *Về trách nhiệm dân sự*: Cơ quan điều tra đã thu hồi và trả lại tài sản bị cáo đã chiếm đoạt cho bị hại là anh Ngô Mạnh T. Đối với số tiền bị hại phải trả cho anh Vũ Văn T để chuộc lại chiếc điện thoại trên là 1.000.000đ, căn cứ Điều 48 của Bộ luật hình sự, Điều 584, khoản 1 Điều 586, Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015, buộc Bị cáo phải bồi thường cho bị hại khoản tiền trên. Bị cáo có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] *Về xử lý vật chứng*: Quá trình điều tra cơ quan Công an đã thu giữ toàn bộ tài sản D trộm cắp nêu trên và hoàn trả cho chủ sở hữu là anh Ngô Mạnh T là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] *Về án phí*: Bị cáo Nguyễn Văn D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[6] Đối với anh Vũ Văn T khi mua chiếc điện thoại di động nói trên của bị cáo, anh T không biết tài sản đó do bị cáo trộm cắp mà có nên Cơ quan công an thành phố Thái Nguyên không xem xét xử lý trách nhiệm hình sự đối với anh T là có cơ sở cần được chấp nhận;

[7] Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật;

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm h, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 38, Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; khoản 1 và khoản 3 Điều 329, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 584, khoản 1 Điều 586, Điều 589, khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13, ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án;

1. *Tuyên bố*: Bị cáo Nguyễn Văn D phạm tội: " Trộm cắp tài sản "

2. *Xử phạt*: Bị cáo Nguyễn Văn D 15 (mười lăm) tháng tù giam;

Thời hạn phạt tù tính từ ngày 05/4/2018;

Quyết định tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

Miễn hình phạt tiền cho bị cáo

3. *Trách nhiệm dân sự*: Buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Ngô Mạnh T 1.000.000đ (một triệu đồng).

4. *Án phí:* Buộc bị cáo Nguyễn Văn D phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm để nộp vào Ngân sách Nhà nước.

5. *Về quyền kháng cáo:* Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người bị hại, Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thúy Kiên

Nơi nhận:

- VKSND TPTN
- TAND tỉnh TN
- Công an TPTN
- THADS TPTN
- Bị cáo; BH; NCQLNVLQ;
- Lưu hồ sơ
- Lưu BP HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thúy Kiên